ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập Tự do Hạnh phúc
Số: 02 /2015/QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 02 tháng 02 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Xét đề nghị của Giám đốc sở Tài chính (Tờ trình số 41 /TTr-STC ngày 28/01/2015),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này "Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Bình".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 62/2004/QĐ-UBND ngày 29/6/2004 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Bình Quy định quản lý nhà nước về giá tại Thái Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KHTC.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Bình

(Kèm theo Quyết định số 02 /2015/QĐ-UBND ngày 02 /02/2015 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về bình ổn giá; đăng ký giá; định giá; hiệp thương giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; kê khai giá; niêm yết giá; công khai thông tin về giá và thẩm định giá của nhà nước; quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức cá nhân trong thực hiện quản lý nhà nước về giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh; người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Chương II

HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 3. Bình ổn giá

1. Trường hợp thực hiện bình ổn giá, Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, biện pháp bình ổn giá.

a) Trường hợp thực hiện bình ổn giá: Thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ (Nghị định số 177/2013/NĐ-CP).

b) Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

c) Các biện pháp bình ổn giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật giá và Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân tỉnh, các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong việc thực hiện bình ổn giá:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền, trách nhiệm quyết định áp dụng và tổ chức thực hiện các biện pháp áp dụng bình ổn giá theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Sở Tài chính là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện bình ổn giá tại mục a Khoản 2 Điều này theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính (Thông tư số 56/2014/TT-BTC).

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bình ổn giá đã được quy định tại Khoản 7 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ, của các bộ ngành Trung ương và Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Đăng ký giá

1. Danh mục hàng hoá, dịch vụ đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại Mục b Khoản 1 Điều 3 quy định này.

2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá: Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá;

Việc đăng ký giá thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá ở địa phương.

a) Sở Tài chính:

- Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá theo quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC. Công khai giá đăng ký của các tổ chức trên trang thông tin điện tử của cơ quan hoặc phương thức thích hợp khác;

- Thông báo danh sách tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá theo quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh; Định kỳ vào ngày 01/7 hàng năm Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh rà soát, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá tại địa phương.

b) Sở Y tế: Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu của các đối tượng thực hiện đăng ký giá mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu theo hướng dẫn của Bộ Y tế; Thông báo Danh sách các đối tượng phải đăng ký giá.

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là Uỷ ban nhân dân cấp huyện):

- Thông báo Danh sách các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn.

- Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá trên địa bàn địa phương theo quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC. Công khai giá đăng ký của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá tại địa bàn trên trang thông tin điện tử của cơ quan hoặc phương thức thích hợp khác.

- Định kỳ tổng hợp, đánh giá, lập báo cáo kết quả thực hiện đăng ký, kê khai về giá của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh trên địa bàn gửi về Sở Tài chính trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp báo cáo Cục quản lý giá - Bộ Tài chính.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

5. Thời điểm đăng ký giá

Trước khi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá theo giá mới thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải thực hiện lập biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận biểu mẫu đăng ký giá.

6. Cách thức thực hiện đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Điều 5. Định giá

1. Danh mục tài sản, hàng hoá, dịch vụ do Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định giá:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP

b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành gồm:

- Giá thóc để tính thuế sử dụng đất nông nghiệp;

- Giá tính thuế tài nguyên;

- Giá dịch vụ xe vận tải hành khách, vận tải hàng hoá ra, vào bến bãi theo quy định của Luật giao thông đường bộ;

- Giá xây dựng mới các công trình để tính thu lệ phí trước bạ;

- Giá bán, giá thuê, giá thuê mua và giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Giá mua nhà ở thương mại để bố trí nhà ở tái định cư; Giá dịch vụ nhà chung cư trên địa bàn tỉnh;

- Giá các loại tài sản, hàng hoá dịch vụ khác phân cấp cho Uỷ ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thời hạn quyết định giá.

a) Trình tự, quy trình thẩm định phương án giá: Thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 9, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

b) Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

c) Hồ sơ phương án giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

3. Cơ quan tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh trong việc định giá là Sở Tài chính, các sở chuyên ngành.

Điều 6. Hiệp thương giá

1. Trường hợp tổ chức hiệp thương giá, thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức hiệp thương giá, kết quả hiệp thương giá: Theo quy định tại Điều 23, Điều 24 và Điều 25 Luật Giá.

2. Hồ sơ hiệp thương giá: Theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

3. Trình tự tổ chức hiệp thương giá: Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Điều 7. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục phải kiểm tra các yếu tố hình thành giá theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật giá ngày 20/6/2012;

2. Căn cứ để kiểm tra các yếu tố hình thành giá, hàng hóa dịch vụ là các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tài chính, của cơ quan có thẩm quyền ban hành về quy chế tính giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ, về hạch toán chi phí sản xuất, giá thành, phí lưu thông của hàng hóa, dịch vụ và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục, thời hạn kiểm tra xác định các yếu tố hình thành giá thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

4. Thẩm quyền quyết định kiểm tra các yếu tố hình thành giá thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

5. Xử lý các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

Chương III
KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ, CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ GIÁ

Điều 8. Kê khai giá

1. Hàng hoá, dịch vụ thuộc diện kê khai giá: Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối tượng thực hiện kê khai giá thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Quy trình thực hiện.

a) Thời điểm kê khai giá:

Tối thiểu 05 ngày trước khi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ phải thực hiện kê khai giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận Văn bản kê khai giá.

b) Cách thức thực hiện kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014.

c) Quy trình tiếp nhận, rà soát Văn bản kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

4. Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá

a) Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát văn bản của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá theo quyết định của UBND tỉnh. Quy trình tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 56/2014/TT-BTC. Định kỳ vào ngày 01/7 hàng năm Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế tỉnh rà soát trình UBND tỉnh điều chỉnh danh sách tổ chức kê khai giá tại địa phương.

b) Sở Y tế tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các đối tượng thực hiện kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục chữa bệnh thiết yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

c) Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá trên địa bàn địa phương theo quy trình tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá quy định tại Điều 16 Thông tư số 56/2014/TT-BTC. Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng gửi báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Cục quản lý giá - Bộ Tài chính. Thông báo danh sách các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng kê khai giá trên địa bàn địa phương. Định kỳ vào ngày 01/7 hàng năm Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Chi cục thuế địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân các huyện,thành phố điều chỉnh danh sách cá nhân kê khai giá tại địa phương.

5. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 56/2014/TT-BTC .

Điều 9. Niêm yết giá

Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện niêm yết giá theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 10. Công khai thông tin giá

1. Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về giá có trách nhiệm công khai những thông tin về giá, bao gồm:

a) Các chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý giá của nhà nước;

b) Các quyết định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về giá đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.

d) Hình thức công khai: Đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm đưa các thông tin về thị trường, giá cả chính xác, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin theo quy định hiện hành.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm công khai thông tin về giá, cung cấp thông tin về giá bao gồm:

a) Các thông tin về định mức tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu; các thông tin kinh tế - kỹ thuật liên quan đến việc kinh doanh, sản xuất hàng hóa, dịch vụ;

b) Mức giá mua hàng hóa, dịch vụ và mức giá bán do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và những thông tin khác có liên quan đến việc kinh doanh, sản xuất hàng hóa, dịch vụ.

c) Hình thức công khai thực hiện thông qua việc đăng ký, kê khai giá, niêm yết giá; cung cấp những hóa đơn, chứng từ và các thông tin khác có liên quan khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Những quy định công khai thông tin về giá không áp dụng đối với những thông tin không được phép công khai theo quy định của pháp luật.

Chương IV

THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 11. Phạm vi hoạt động thẩm định giá của Nhà nước

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ (Nghị định số 89/2013/NĐ-CP).

2. Trường hợp mua, bán tài sản nhà nước có mức giá trị dưới đây, sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá phải có ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định giá, bao gồm:

a) Tài sản mua, bán có giá trị đơn chiếc hoặc mua một lần cùng một loại tài sản có tổng giá trị từ 100 triệu đồng trở lên;

b) Tài sản mua, bán có giá trị theo từng đợt ban hành quyết định mua sắm của cơ quan có thẩm quyền có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên.

Điều 12. Thẩm định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định giá gồm:

a) Sở Tài chính thông báo thẩm định giá các tài sản của Nhà nước quy định tại Điều 11 Quy định này đối với tài sản mua, bán từ nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc cơ quan Tài chính cấp huyện trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền) thẩm định giá các tài sản của Nhà nước quy định tại Điều 11 Quy định này mua, bán từ nguồn ngân sách huyện.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định giá tài sản có trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản theo yêu cầu của cơ quan có văn bản yêu cầu thẩm định giá;

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền thẩm định giá tài sản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định.

Hội đồng thẩm định giá hoạt động theo quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP, khoản 5 Điều 11 Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính (Thông tư số 38/2014/TT-BTC) và quy định về thẩm định giá của nhà nước tại Quyết định này.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền thẩm định giá từ chối thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP.

4. Nội dung, quy trình thẩm định giá

a) Nội dung, trình tự tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và trình tự thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP.

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của cơ quan nhà nước:

Nội dung văn bản trả lời kết quả thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Thông tư số 38/2014/TT-BTC.

c) Lập và lưu trữ hồ sơ thẩm định giá tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP.

5. Cơ sở dữ liệu thẩm định giá.

a) Sở Tài chính và các sở quản lý chuyên ngành, Uỷ ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xây dựng, khai thác, vận hành và lập dự toán ngân sách phục vụ cho việc xây dựng, khai thác, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về thẩm định giá theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 38/2014/TT-BTC.

b) Nội dung và nguồn thông tin, tài liệu phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về thẩm định giá theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 38/2014/TT-BTC.

c) Định kỳ ngày 25 tháng cuối quý, các sở, ngành, uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm gửi kết quả đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ cho Sở Tài chính để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thẩm định giá.

6. Chi phí phục vụ hoạt động thẩm định giá của cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 38/2014/TT-BTC.

Chương V

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC KINH TẾ, ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TRONG THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ

Điều 13. Ủy ban nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về giá và phân cấp quản lý về giá trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điều 22 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

Điều 14. Sở Tài chính

Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các chính sách, biện pháp trong công tác quản lý giá tại địa phương, cụ thể:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các quy định tại Khoản 3 Điều 3, Khoản 3 Điều 8, Khoản 3 Điều 13, Thông tư số 56/2014/TT-BTC và Khoản 2 Điều 24 Luật Giá.

2. Thẩm định và trình Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định phương án giá các loại hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền: Giá các loại hàng hoá, dịch vụ quy định tại tiết a, b Khoản 1 Điều 5 Quy định này (*trừ phương án giá do các sở ngành trình Uỷ ban nhân dân tỉnh thẩm định quy định tại Khoản 2 Điều 16 Quy định này*) sau khi có ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành chức năng có liên quan.

3. Tham gia Hội đồng định giá là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định Bảng giá đất; Hội đồng thẩm định giá đất theo quy định của Pháp luật; Chỉ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng Hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm trình Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Thông báo kết quả thẩm định giá mua, bán tài sản, hàng hóa, dịch vụ của Nhà nước theo quy định.

5. Thẩm định tiền bồi thường giải phóng mặt bằng được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

6. Phối hợp với Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng, chỉ số giá xây dựng, đơn giá xây dựng.

7. Giá bán khởi điểm hàng tịch thu trong các vụ án kinh tế, buôn lậu, hình sự do các cơ quan thi hành Pháp luật thuộc tỉnh xử lý.

8. Trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá khởi điểm để bán đối với tài sản nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh theo quy định hiện hành.

9. Quyết định Bảng giá tối thiểu xe máy, xe ô tô, tàu thuyền để tính thu lệ phí trước bạ.

10. Tổ chức hiệp thương giá theo yêu cầu của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh hoặc theo đề nghị của bên mua, bên bán hoặc một trong hai bên mua bán mà cả hai bên mua, bán này có trụ sở đặt tại tỉnh Thái Bình sản xuất kinh doanh những loại hàng hoá, dịch vụ quan trọng có tác động đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo qui định của pháp luật.

11. Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trong phạm vi địa bàn tỉnh, xử lý hành vi vi phạm Pháp luật về giá theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về thanh tra.

Điều 15. Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố

1. Tổ chức chỉ đạo thực hiện chính sách, biện pháp giá và các quyết định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại địa phương. Tổ chức các biện pháp bình ổn giá được Uỷ ban nhân dân tỉnh giao.

2. Tổ chức chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc huyện thực hiện thu thập thông tin, phân tích giá cả thị trường trên địa bàn quản lý.

3. Thông báo hoặc ủy quyền cho Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo kết quả thẩm định giá tài sản, dịch vụ của Nhà nước quy định tại Điều 8 Quy định này trong việc mua sắm tài sản từ nguồn vốn ngân sách huyện để các đơn vị lập kế hoạch mua sắm theo quy định.

4. Quyết định giá bán khởi điểm hàng tịch thu trong các vụ án kinh tế, buôn lậu, hình sự do các cơ quan thi hành Pháp luật thuộc huyện xử lý.

5. Phối hợp với sở Tài nguyên và môi trường lập phương án giá các loại đất 5 năm 1 lần và phối hợp với Sở Tài chính xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm;

6. Lập phương án giá thóc tính thuế sử dụng đất nông nghiệp; phương án giá dịch vụ nghĩa trang đối với các nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh.

7. Tổng hợp báo cáo tình hình về giá hàng hóa, dịch vụ gửi về Sở Tài chính trước ngày 20 hàng và tổng hợp báo cáo kết quả đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ gửi Sở Tài chính trước ngày 25 của tháng cuối quý để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thẩm định giá.

8. Tổ chức chỉ đạo việc niêm yết giá trên địa bàn huyện, thành phố.

9. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá, các quy định khác của Pháp luật có liên quan đến quản lý Nhà nước về giá và xử lý các vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

10. Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành chức năng của tỉnh trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về giá;

11. Thông báo danh sách các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn địa phương. Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, văn bản kê khai giá của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn địa phương. Công khai giá đăng ký, giá kê khai của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh trên trang thông tin điện tử của cơ quan. Tổng hợp báo cáo kết quả về Sở Tài chính trước ngày 20 hàng tháng cùng với nội dung báo cáo giá cả thị trường hàng tháng của địa phương.

Điều 16. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyền hạn, nhiệm vụ chung

a) Thực hiện các biện pháp bình ổn giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Uỷ ban nhân dân tỉnh giao.

b) Tham gia Hội đồng thẩm định giá tài sản trong Luật Tố tụng hình sự; Hội đồng thẩm định giá đất; Hội đồng thẩm định bảng giá đất theo yêu cầu của Uỷ ban nhân dân tỉnh và qui định của Pháp luật;

c) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở, Ban, Ngành khác của tỉnh trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về giá.

d) Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các chính sách, quyết định giá của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ và Uỷ ban nhân dân tỉnh, các quy định của Nhà nước về quản lý giá, thông tin giá cả thị trường;

đ) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật và các quy định khác của Nhà nước liên quan đến quản lý Nhà nước về giá theo thẩm quyền;

e) Ngày 25 của tháng cuối quý tổng hợp báo cáo kết quả trúng thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ gửi Sở Tài chính để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thẩm định giá;

g) Phối hợp cùng Sở Tài chính kiểm tra rà soát nội dung biểu mẫu đăng ký giá, văn bản kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá thuộc chuyên ngành theo quy định. Khi phát hiện biểu mẫu đăng ký giá, văn bản kê khai giá có yếu tố không hợp lý cần có văn bản gửi Sở Tài chính là cơ quan chủ trì tiếp nhận trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kê khai giá của các tổ chức, cá nhân.

2. Quyền hạn, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành:

a) Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng hướng dẫn lập Phương án giá cước vận tải, giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đối với các đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải; Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương thuộc lĩnh vực quản lý.

b) Sở Xây dựng chủ trì xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng, chỉ số giá xây dựng; Xây dựng và trình đơn giá xây dựng, đơn giá bồi thường công trình, vật kiến trúc thuộc chuyên ngành quản lý; Phối hợp cùng Sở Tài chính thẩm định phương án giá nước sạch và giá nước sạch sinh hoạt do đơn vị cấp nước và kinh doanh nước sạch lập. Sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính, đơn vị cấp nước và kinh doanh nước sạch trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt; phối hợp với Sở Tài chính thẩm định giá xây nhà mới để tính thu lệ phí trước bạ.

Lập và trình phương án giá bán nhà, giá thuê, giá thuê mua và giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Giá mua nhà ở thương mại để bố trí nhà ở tái định cư; Giá dịch vụ nhà chung cư trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì xây dựng và trình phương án xây dựng Bảng giá đất, phương án giá các loại đất điều chỉnh, bổ sung (nếu có), giá đất cụ thể theo quy định của pháp luật đất đai.

d) Sở Công Thương chỉ đạo, tuyên truyền các quy định của nhà nước đối với việc niêm yết giá, kiểm tra niêm yết giá và bán theo giá niêm yết đối với các đơn vị, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn nơi có giao dịch thực hiện mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

đ) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Xây dựng và trình đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi thuộc chuyên ngành quản lý.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo: Xây dựng và trình phương án giá dịch vụ giáo dục, đào tạo của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh.

g) Sở Y tế: Xây dựng và trình giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

h) Sở Quản lý chuyên ngành: Phương án giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách chủ đầu tư lập gửi Sở quản lý chuyên ngành rà soát phương án giá theo chức năng có văn bản gửi Sở Tài chính thẩm định phương án giá cho thuê. Sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính, chủ đầu tư công trình kết cấu hạ tầng đầu tư cho thuê trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 17. Quyền hạn và trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc tỉnh và thuộc huyện, thành phố quản lý (kể cả các đơn vị hành chính sự nghiệp cấp dưới trực thuộc Sở, Ban, Ngành).

Được quyền quyết định giá mua tài sản, dịch vụ bằng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước trong một lần mua một tài sản, dịch vụ hoặc cùng một loại tài sản, dịch vụ có giá trị dưới 100.000.000 đồng.

2. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng nguồn kinh phí ngân sách để mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ cho đơn vị mình tự chịu trách nhiệm về mức giá mua phê duyệt và giá thanh lý, nhượng bán tài sản thuộc thẩm quyền; thực hiện việc mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Nhà nước; thực hiện những qui định về quản lý Nhà nước về giá.

Điều 18. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn

Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Giá năm 2012, các quy định của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương về các biện pháp bình ổn giá và của uỷ ban nhân dân tỉnh về các biện pháp bình ổn thị trường.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định Quản lý nhà nước về giá theo quy định tại Quyết định này.

2. Những nội dung khác về Quản lý nhà nước về giá không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để nghiên cứu, xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh
Thời gian ký số:
02/02/2015 15:57:56